

ĐỀ MINH HỌA CHUẨN 2021
BAN CHUYÊN MÔN VIETJACK
Đề số 03

ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT NĂM 2020 - 2021
 Bài thi môn: **ĐỊA LÍ**
 Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1. Việt Nam có tất cả bao nhiêu dân tộc?

- A. 57 dân tộc. B. 56 dân tộc. C. 54 dân tộc. D. 55 dân tộc.

Câu 2. Sự gia tăng dân số nước ta hiện nay **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mỗi năm dân số nước ta tăng lên khoảng một triệu người.
 B. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên ở đồng bằng cao hơn ở miền núi và nông thôn.
 C. Tỷ lệ sinh tương đối thấp và đang giảm chậm.
 D. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số khác nhau giữa các vùng.

Câu 3. Nguyên nhân diễn ra đô thị hóa ở nước ta là do

- A. tác động của thiên tai, bão lũ, triều cường. B. nước ta là nước chủ yếu trồng lúa nước.
 C. di dân tự do từ nông thôn lên thành phố. D. quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Câu 4. Nguồn lao động nước ta còn có những hạn chế nào sau đây?

- A. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn. B. Kinh nghiệm sản xuất ngành nông nghiệp.
 C. Trình độ chuyên môn, tác phong lao động. D. Khả năng tiếp thu khoa học và kỹ thuật.

Câu 5. Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có các tỉnh và thành phố là

- A. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Phú Thọ. B. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định.
 C. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh. D. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang.

Câu 6. Đặc điểm nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế?

- A. Hình thành các khu trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp mới.
 B. Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.
 C. Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, miền Trung và phía Nam.
 D. Chuyển dịch cơ cấu ngành, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta.

Câu 7. Nước ta có thể trồng từ 2 đến 3 vụ lúa và rau trong một năm là nhờ có đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

- A. Mạng lưới sông ngòi, ao, hồ dày đặc. B. Nguồn sinh vật phong phú.
 C. Nhiều diện tích đất phù sa. D. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 8. Bên cạnh cây lương thực, một ngành khác cũng phát triển rất mạnh ở nước ta là

- A. chăn nuôi gia cầm và bò sữa. B. khai thác và chế biến lâm sản.
 C. nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. D. chăn nuôi đại gia súc.

Câu 9. Cây trồng nào sau đây chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta?

- A. Cây ăn quả và rau đậu. B. Cây lương thực.
 C. Cây hoa màu. D. Cây công nghiệp.

Câu 10. Các khu rừng đầu nguồn, các cánh rừng chắn cát bay ven biển,... thuộc loại rừng nào sau đây?

- A. Rừng đặc dụng. B. Rừng nguyên sinh. C. Rừng sản xuất. D. Rừng phòng hộ.

Câu 11. Hệ thống công nghiệp của nước ta hiện nay gồm có

- A. đầy đủ các ngành công nghiệp thuộc các lĩnh vực và ngành khác nhau.
 B. các trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn, lớn, trung bình và nhỏ.
 C. các cơ sở nhà nước, ngoài nhà nước và cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.
 D. có nhiều ngành công nghiệp trọng điểm, vùng công nghiệp trọng điểm.

Câu 12. Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất ở nước ta **không** biểu hiện ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Là nơi tập trung nhiều trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.
 B. Là nơi tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện lớn.

C. Là hai đầu mỗi giao thông vận tải và viễn thông lớn nhất cả nước.

D. Là hai trung tâm thương mại, tài chính ngân hàng lớn nhất nước ta.

Câu 13. Loại hình giao thông vận tải nào sau đây xuất hiện sau nhất ở nước ta?

A. Đường biển. B. Đường bộ. C. Đường hàng không. D. Đường ống.

Câu 14. Sự phân bố các trung tâm thương mại **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

A. Quy mô dân số.

B. Nguồn lao động chất lượng cao.

C. Sức mua của người dân.

D. Sự phát triển của các hoạt động kinh tế.

Câu 15. Loại nào sau đây **không** thuộc tài nguyên du lịch nhân văn?

A. Lễ hội truyền thống.

B. Công trình kiến trúc.

C. Hang động cacxtơ.

D. Làng nghề truyền thống.

Câu 16. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản.

B. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện.

C. công nghiệp chế biến lương thực và thủy sản.

D. trồng cây lương thực, cây ăn quả và lâm sản.

Câu 17. Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là

A. Than nâu và đá vôi.

B. Đất feralit.

C. Đất phù sa sông Hồng.

D. Đất xám, đất mặn.

Câu 18. Đồng bằng sông Hồng **không** có điều kiện để phát triển nông nghiệp theo hướng nào sau đây?

A. Đẩy mạnh phát triển vụ đông xuân.

B. Áp dụng máy móc thiết bị hiện đại.

C. Đẩy mạnh chăn nuôi gia súc gia cầm.

D. Thâm canh lúa nước tăng năng suất.

Câu 19. Các loại cây công nghiệp hàng năm thích hợp với vùng đất cát pha ở đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

A. đậu tương, đậu, cói.

B. mía, bông, dâu tằm.

C. lạc, đậu tương, bông.

D. lạc, mía, thuốc lá.

Câu 20. Vị trí của Bắc Trung Bộ **không** có vai trò nào sau đây?

A. Là vùng có kinh tế phát triển bậc nhất nước ta.

B. Đông Bắc Thái Lan ra biển Đông và ngược lại.

C. Cầu nối giữa kinh tế miền Nam - Bắc đất nước.

D. Cửa ngõ Trung Lào ra biển Đông và ngược lại.

Câu 21. Tỉnh/thành nào sau đây có nạn hạn hán kéo dài nhất ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Ninh Thuận, Bình Thuận.

B. Ninh Thuận, Phú Yên.

C. Bình Thuận, Quảng Nam.

D. Phú Yên, Quảng Nam.

Câu 22. Tỉnh nào sau đây nằm ở ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia?

A. Kon Tum.

B. Gia Lai.

C. Đắk Lắk.

D. Lâm Đồng.

Câu 23. Việc xây dựng các công trình thủy điện ở Tây Nguyên **không** phải nhằm mục đích nào sau đây?

A. Phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản.

B. Chỉ để phục vụ khai thác và chế biến bôxít.

C. Nguồn nước tưới quan trọng vào mùa khô.

D. Thúc đẩy các ngành công nghiệp phát triển.

Câu 24. Hai loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ?

A. Đất badan và đất feralit.

B. Đất phù sa và đất feralit.

C. Đất badan và đất xám.

D. Đất xám và đất phù sa.

Câu 25. Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đông Nam Bộ là

A. phòng chống sâu bệnh.

B. tăng cường phân bón.

C. bảo vệ rừng đầu nguồn.

D. hoàn thiện thủy lợi.

Câu 26. Khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long vào thời kỳ mùa khô là

A. cháy rừng.

B. triều cường.

C. thiếu nước ngọt.

D. xâm nhập mặn.

Câu 27. Hệ thống đảo ven bờ nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào sau đây?

- A. Thái Bình, Phú Yên, Ninh Thuận, Bạc Liêu.
 B. Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Định, Cà Mau.
 C. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Sóc Trăng.
 D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.

Câu 28. Nghề làm muối của nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng ven biển nào sau đây?

- A. Nam Trung Bộ. B. Khu vực Bắc Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 29. Khoáng sản quan trọng nhất ở vùng thềm lục địa nước ta là

- A. dầu, titan. B. khí, cát thủy tinh. C. cát thủy tinh, muối. D. dầu, khí.

Câu 30. Trung du và miền núi Bắc Bộ có kiểu khí hậu nào sau đây?

- A. Cận xích đạo, mùa hạ có mưa phùn. B. Cận nhiệt đới ẩm gió mùa.
 C. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông ấm. D. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 31. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết hướng Tây Bắc - Đông Nam là hướng của dãy núi nào sau đây?

- A. Bạch Mã. B. Hoàng Liên Sơn. C. Trường Sơn Nam. D. Đông Triều.

Câu 32. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Nha Trang thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Tây Nguyên. B. Nam Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 33. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết các khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Hòn La, Chu Lai. B. Vũng Áng, Hòn La.
 C. Nghi Sơn, Dung Quất. D. Dung Quất, Vũng Áng.

Câu 34. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết cây chè được trồng chủ yếu ở những vùng nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.
 B. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
 C. Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.
 D. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ.

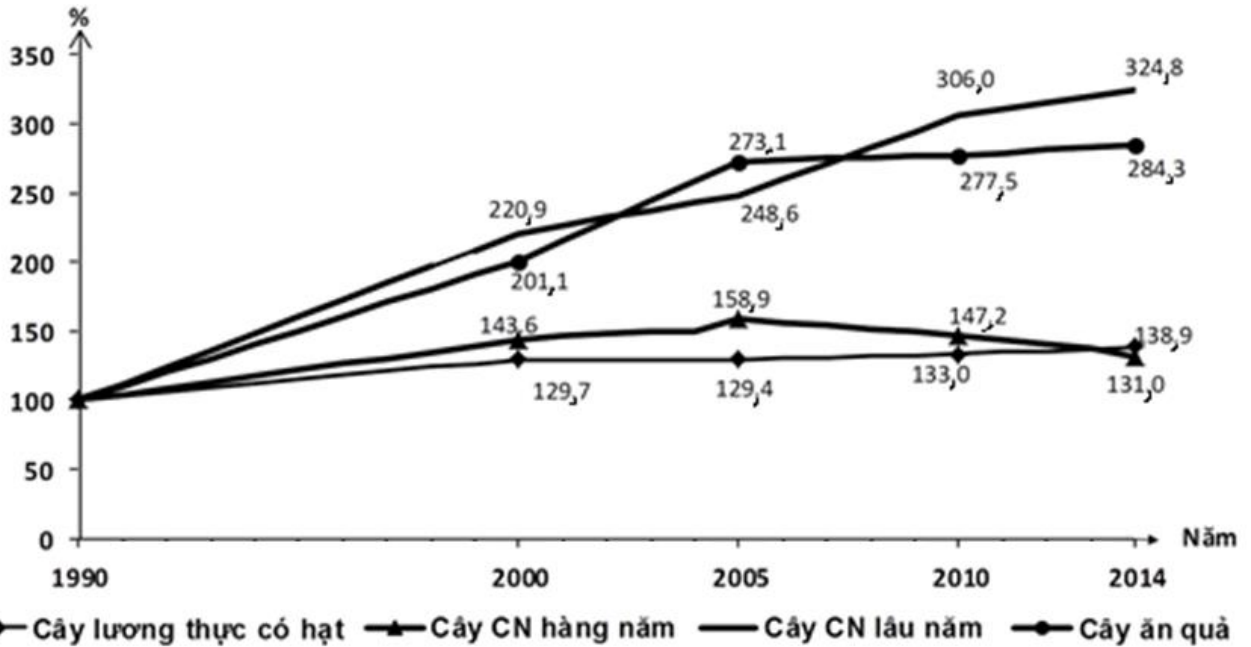
Câu 35. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết ba tỉnh dẫn đầu cả nước về sản lượng lúa nước ta?

- A. An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp. B. Kiên Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang.
 C. An Giang, Long An, Sóc Trăng. D. An Giang, Kiên Giang, Long An.

Câu 36. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng khi so sánh sản lượng thủy sản của một số tỉnh?

- A. Nuôi trồng của Nam Định lớn hơn Hà Tĩnh.
 B. Nuôi trồng của An Giang lớn hơn Ninh Thuận.
 C. Khai thác của Thanh Hóa lớn hơn Bình Định.
 D. Khai thác của Khánh Hòa lớn hơn Quảng Ninh.

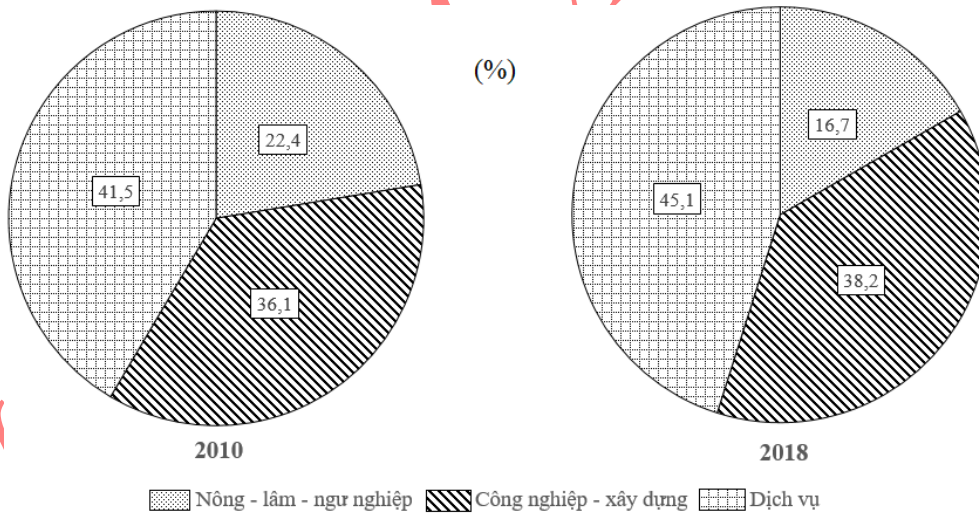
Câu 37. Cho biểu đồ về diện tích các loại cây trồng nước ta



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta, giai đoạn 1990 - 2014.
- B. Chuyển dịch cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta, giai đoạn 1990 - 2014.
- C. Tốc độ tăng trưởng diện tích các loại cây trồng của nước ta, giai đoạn 1990 - 2014.
- D. Tình hình phát triển diện tích các loại cây trồng của nước ta, giai đoạn 1990 - 2014.

Câu 38. Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

CƠ CẤU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ Ở NƯỚC TA

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế ở nước ta, năm 2010 và năm 2018?

- A. Tỷ trọng ngành công nghiệp luôn cao nhất, tiếp theo là ngành dịch vụ và nông nghiệp.
- B. Tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm, dịch vụ và công nghiệp - xây dựng tăng.
- C. Tỷ trọng ngành nông nghiệp luôn cao nhất, tiếp theo là ngành công nghiệp và dịch vụ.
- D. Tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp và dịch vụ giảm; công nghiệp - xây dựng tăng.

Câu 39. Cho bảng số liệu sau:

KHÁCH DU LỊCH VÀ DOANH THU DU LỊCH, GIAI ĐOẠN 1991 - 2017

Năm	1990	2005	2010	2015	2017
Khách trong nước (triệu lượt khách)	1,5	11,2	16,0	28,0	38,5
Khách quốc tế (triệu lượt khách)	0,3	2,1	3,5	4,8	9,7
Tổng doanh thu (nghìn tỉ đồng)	0,8	17,0	30,3	96,0	230,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê 2018)

Căn cứ vào bảng số liệu, nhận định nào sau đây **không** đúng với khách du lịch và doanh thu du lịch, giai đoạn 1991 - 2017?

- A. Khách du lịch và doanh thu du lịch tăng, doanh thu du lịch có tốc độ tăng nhanh nhất.
 B. Khách du lịch nội địa có tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với khách du lịch quốc tế.
 C. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch quốc tế thấp hơn nhiều so với khách du lịch nội địa.
 D. Tổng doanh thu có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất và chậm nhất là khách trong nước.

Câu 40. Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG CỦA CÁC NGÀNH KINH TẾ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 - 2015

(Đơn vị: Tỉ đồng)

Năm	1990	1995	2000	2015
Nông nghiệp	61817,5	82307,1	112111,7	137112,0
Lâm nghiệp	4969,0	5033,7	5901,6	6315,6
Thủy sản	8135,2	13523,9	21777,4	38726,9
Tổng số	74921,7	100864,7	139790,7	182154,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, để biểu thị sự chuyển dịch cơ cấu của từng ngành trong cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản, biểu đồ nào sau đây là biểu đồ thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ cột. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ tròn.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo Dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

BẢNG ĐÁP ÁN

1-C	2-B	3-D	4-C	5-C	6-B	7-D	8-C	9-B	10-D
11-B	12-A	13-C	14-B	15-C	16-B	17-C	18-C	19-D	20-A
21-A	22-A	23-B	24-C	25-D	26-C	27-D	28-A	29-D	30-D
31-B	32-C	33-B	34-B	35-A	36-C	37-C	38-B	39-C	40-B

Câu 14

Sự phân bố các trung tâm thương mại phụ thuộc rất lớn vào quy mô dân số, sức mua của người dân và sự phát triển của các hoạt động kinh tế - xã hội. Không phụ thuộc vào nguồn lao động.

Chọn B.

Câu 16

Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là khai thác khoáng sản (than đá, sắt,...) và phát triển thủy điện.

Chọn B.

Câu 18

Diện tích đất ở vùng Đồng bằng sông Hồng ngày càng hạn hẹp do chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên không có điều kiện để phát triển nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh chăn nuôi gia súc gia cầm.

Chọn C.

Câu 20

Nhờ có vị trí cầu nối giữa các tỉnh phía Bắc và các tỉnh phía Nam, giữa Đông Bắc Thái Lan, Trung Lào với biển Đông nên Bắc Trung Bộ là khu vực trung chuyển khối lượng hàng hóa rất lớn. Đây không phải là vùng có nền kinh tế phát triển bậc nhất nước ta.

Chọn A.

Câu 23

Việc xây dựng các công trình thủy điện ở Tây Nguyên không phải là chỉ để phục vụ khai thác và chế biến bôxít. Mà còn để thúc đẩy các ngành công nghiệp phát triển; đem lại nguồn nước tưới quan trọng vào mùa khô; đồng thời góp phần phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Chọn C.

Câu 25

Do ở Đông Nam Bộ có một mùa khô sâu sắc gây ra tình trạng thiếu nước trầm trọng vào mùa khô nên thủy lợi là vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đông Nam Bộ.

Chọn D.

Câu 37

- Kỹ năng phân tích, nhận xét và nhận diện các dạng biểu đồ.
- Căn cứ vào dạng biểu đồ, chú giải, biểu đồ, đơn vị => Biểu đồ thể hiện nội dung: Tốc độ tăng trưởng diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta, giai đoạn 1990 - 2014.

Chọn C.

Câu 38

Qua biểu đồ, ta thấy:

- Tỷ trọng nông - lâm - ngư giảm, từ 22,4% (2010) xuống 16,7% (2018).
- Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng, từ 36,1% (2010) lên 38,2% (2018).
- Tỷ trọng ngành dịch vụ tăng, từ 41,5% (2010) lên 45,1% (2018).

Chọn B.

Câu 39

- Sử dụng công thức: $Tốc\ độ\ tăng\ trưởng = \frac{Giá\ trị\ năm\ sau}{Giá\ trị\ năm\ đầu} \times 100\%$.
- Tính tốc độ tăng trưởng của các tiêu chí.
- + Khách du lịch nội địa: 2566,7% (chậm nhất).

- + Khách du lịch quốc tế: 3233,3%.
- + Doanh thu du lịch: 28750,0% (nhanch nhất).

Chọn C.

Câu 40

- Căn cứ vào bảng số liệu và yêu cầu đề bài => Biểu đồ miền là biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu của từng ngành trong cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản qua giai đoạn 1990 - 2015.

- Chú ý cụm từ: **Chuyển dịch cơ cấu** và $> = 4$ mốc năm.

Chọn B.

VIETJACK.COM